

Bản án số: **196/2017/HSPT**
Ngày 08/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**
Ông **Nguyễn Thị Hòa**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số **144/2017/HSPT** ngày 20 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn A, Vũ Thị Hồng S. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với bản án hình sự sơ thẩm số **09/2017/HSST**, ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1979; trú tại: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Dân tộc: Kor; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông Nguyễn T (chết) và bà Lê Thị T; vợ: Vũ Thị Hồng S, có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. **Vũ Thị Hồng S**, sinh năm 1979; trú tại: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Vũ Ngọc L và bà Trần Thị Kim P; chồng Nguyễn Văn A, có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, Đại diện theo pháp luật có ông Nguyễn Thế V, chức vụ: Chủ tịch, ủy quyền cho ông **Trần Kế N** - cán bộ lâm nghiệp xã T (theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2017); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 02 năm 2016 các bị cáo Nguyễn Văn A và Vũ Thị Hồng S thuê anh Võ Ngọc Á, Nguyễn Văn N, Trương Ngọc H, Trương Văn P, Ngô Thị H, Ung Thị T, Dũ Văn S, Lô Thị S lên khu vực rừng Nà Lầy thuộc khoảnh 4, 5 tiểu khu

590 tại thôn T, xã T chặt phá rừng. Các bị cáo A, Hồng S cùng tham gia với nhân công thuê được đã sử dụng cưa máy, rựa cưa, chặt hạ 175,046m³ cây gỗ tự nhiên trên diện tích rừng 18.060m², chừa cây rừng khô A dùng lửa đốt cháy số cây rừng trên rồi trồng cây keo. Theo Quyết định 2462/QĐ - UBND ngày 09/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt quy hoạch bảo vệ, phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 - 2020 thì đây là diện tích rừng tự nhiên thuộc chức năng rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Số tiền 20.000.000 đồng vợ chồng A thu của những người bà con họ hàng, được Hồng S quản lý và đã chi phí hết vào việc thuê nhân công, trồng cây keo, ăn uống trong quá trình chặt phá rừng.

Ngày 28/9/2016 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện PP kết luận: Giá trị lâm sản thiệt hại trên diện tích rừng 18.060m² là 175,046m³ gỗ từ nhóm VI đến nhóm VII là 283.518.000 đồng và giá trị môi trường thiệt hại 1.134.072.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại trên diện tích rừng bị hủy hoại là: 1.417.590.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số **09/2017/HSST** ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn A, Vũ Thị Hồng S** phạm tội “Hủy hoại rừng”.

- Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, k, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn A 03** (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **05** (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Thị Hồng S 03** (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **05** (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn A và Vũ Thị Hồng S phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền là 283.518.000 đồng và thiệt hại về môi trường là 1.134.072.000 đồng, tổng cộng số tiền là 1.417.590.000 đồng, được trừ đi số tiền các bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước là 2.000.000 đồng, số tiền còn lại các bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 1.415.590.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm mười lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*) cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/7/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự theo hướng xác định cụ thể và tuyên buộc số tiền bồi thường và chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với từng bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam giữ nguyên kháng nghị và có quan điểm về giải quyết vụ án: Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn A và Vũ Thị Hồng S về tội “Hủy hoại rừng” là có căn

cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định cụ thể và tuyên buộc số tiền phải bồi thường và chịu án phí sơ thẩm đối với từng bị cáo là không đúng pháp luật, chưa đảm bảo nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm về bồi thường thiệt hại do nhiều người cùng gây ra theo quy định tại Điều 587 của Bộ luật Dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

Các bị cáo không tranh luận. Các bị cáo đề nghị: Do không hiểu biết pháp luật, nghĩ là đất ông bà để lại, xin được xem xét về hình phạt và phần bồi thường quá cao.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn A và Vũ Thị Hồng S khai nhận: Vào khoảng tháng 02/2016 các bị cáo thuê người dùng rựa và cưa máy đến khu vực rừng N phát dọn, cưa và chặt hạ cây gỗ rừng tự nhiên, đốt lấy đất trồng cây Keo. Theo các bị cáo A, Sơn thì diện tích rừng này có nguồn gốc là đất nhà ở của cha ông để lại (*từ năm 1954 đến 1975*). Sau khi phát đốt, trồng Keo thì được cơ quan chức năng xác định: Diện tích rừng là 18.060m², tại khoảnh 4, 5 tiểu khu 590 (*thuộc thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam*) và thuộc loại rừng có chức năng phòng hộ, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P quản lý.

1/ Về trách nhiệm hình sự và thủ tục tố tụng:

- Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/8/2016 và Biên bản kiểm tra lâm sản (*kèm theo Phiếu ghi tọa độ*) do Hạt Kiểm Lâm huyện P lập ngày 23/3/2016 đều dùng máy định vị GPS để xác định các tọa độ X, Y trên diện tích rừng 41.020 m², nhưng hệ tọa độ X, Y giữa hai biên bản được lập có điểm Y sai số, không trùng khớp (BL: 24, 25, 39, 41). Sai số này, dẫn đến việc tính toán diện tích rừng của từng khu vực (*trong 03 khu vực*) không chính xác, chưa được chứng minh.

- Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/8/2016, ghi nhận hệ tọa độ X, Y thuộc 03 khu vực: hướng Tây Nam, hướng Đông Bắc và hướng Tây Bắc nhưng tại hồ sơ vụ án không có tài liệu nào chứng minh, tính toán số liệu về diện tích của từng khu vực nên việc xác định diện tích rừng do các bị cáo A, Hồng S xâm hại là 18.060 m² là chưa có căn cứ pháp luật.

- Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/8/2016, ghi nhận “*Nằm rải rác trên khu vực hiện trường có nhiều cây chè, có chiều cao trung bình 1, 5 mét; có dây trầu, bụi tre, bờ đá, mô mả ...*”. Theo lời khai của bị cáo A đây là khu vườn nhà cũ của ông bà, cha mẹ để lại và tại phiên tòa phúc thẩm cung cấp giấy xác nhận của những người làm chứng như ông Đoàn Văn C, ông Nguyễn Văn H và ảnh chụp các loại cây hiện còn trên đất như Mít, Cau, Dâu đất, Bưởi Những nội dung này chưa được điều tra, ghi nhận, xác định chính xác về nguồn gốc diện tích rừng mà các bị cáo đã phát dọn trồng Keo để có chính sách phù hợp đối với người dân tộc thiểu số và vùng căn cứ địa cách mạng trước đây.

- Các cơ quan tiến hành tố tụng xác định rừng tại khoảnh 4, 5 Tiểu khu 590 (N thuộc thôn T, xã T) là rừng phòng hộ, dựa trên Công văn số 20/CCKL-SD&PTR ngày 10/01/2017 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Nam, Công văn số 03/HKL ngày 17/01/2017, Công văn số 190/TN&MT ngày 16/02/2017 của phòng Tài nguyên và môi trường huyện P là chưa đầy đủ và chưa có cơ sở vững chắc. Vì tại hồ sơ, ngoài các Công văn trên thì không có hồ sơ, tài liệu (kèm theo) liệt kê, chứng minh khoảnh 4, khoảnh 5 Tiểu khu 590 thuộc Xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam là rừng Phòng hộ theo Quyết định 2462/QĐ-UBND ngày 09/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Ngày 21/12/2016 Cơ quan điều tra Công an huyện P có Công văn số: 16/CV – CSĐT yêu cầu cơ quan chức năng trả lời nội dung “*Căn cứ để xác định diện tích rừng bị xâm hại là rừng phòng hộ*”. Trong khi chưa có kết quả trả lời các nội dung yêu cầu của Công văn này thì ngày 28/9/2016 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện P, tiến hành định giá và xác định thiệt hại về môi trường đối với rừng phòng hộ theo hệ số 4, với số tiền 1.134.072.000 đồng là mâu thuẫn và chưa có căn cứ pháp luật.

- Biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 16/8/2016 với sự tham gia của Điều tra viên Phạm Anh T, Kiểm sát viên Nguyễn Hồng S, người ghi biên bản Trần Minh T, người chứng kiến Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn T, đại diện cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương Trần Kế N, Đỗ Phú N. Biên bản ghi nhận “*Chúng tôi thống nhất chia hiện trường thành 03 khu vực để quay ô tiêu chuẩn xác định thiệt hại lâm sản trên từng khu vực*” nhưng tại Biên bản khám nghiệm hiện trường và tại hồ sơ vụ án không hề thể hiện tài liệu chứng minh nội dung “*Quay ô tiêu chuẩn*”) này. Tại hồ sơ chỉ thể hiện tài liệu: Biểu tính thiệt hại trong ô tiêu chuẩn do Hạt kiểm lâm P thực hiện ngày 16/8/2016, không xác định khu vực nào trong 03 khu vực được xác định (BL: 45 đến 48), không thể hiện phương pháp đo đạc, tính toán; chỉ có dấu vân tay của người vi phạm và tổ công tác ký tên là Trần Kế N, Võ Hữu T. Đến ngày 17/8/2016 Biểu tính thiệt hại trong ô tiêu chuẩn do Hạt kiểm lâm P tổng hợp thì có một số tên gọi loài cây không đúng Biểu tổng hợp ban đầu (*Xoài nước- Máu chó; thuần mực- Thừng mực; Dàng – Gáo; Càng cua- Trám trắng*), ghi thêm diện tích vi phạm, nhóm gỗ, tổ công tác ký tên là **Phan Công T** và do người không thuộc thành phần tham gia khám nghiệm hiện trường tiến hành (BL: 49 đến 52). Ngày 01/4/2016 Hạt kiểm lâm huyện P có Quyết định khởi tố vụ án và văn bản chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra Công an huyện P giải quyết theo thẩm quyền từ thời điểm này, nhưng các tài liệu này không do Điều tra viên được phân công điều tra vụ án thực hiện là trái với quy định tại khoản 3 Điều 150 Bộ luật tố tụng Hình sự là thuộc trường hợp điều tra chưa đầy đủ và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 16/8/2016 ghi nhận “*Trên khu vực hiện trường có nhiều cây Keo lá tràm được trồng và có độ cao trung bình 60 cm*”, nhưng khi định giá không xem xét, định giá giá trị số cây Keo đã trồng để khi buộc bồi thường, tính khấu trừ vào giá trị khắc phục thiệt hại là không đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo. Bởi việc buộc bồi thường, khắc phục

hậu quả do hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự được thực hiện bằng nhiều cách, có thể bằng giá trị hoặc trồng lại rừng mới ... tùy theo điều kiện, khả năng của người có nghĩa vụ. Đồng thời, việc buộc bồi thường thiệt hại về tài sản trong vụ án hình sự có đồng phạm phải căn cứ vào vai trò thực hành tội phạm, xác định lỗi của từng bị cáo để làm cơ sở quyết định phần nghĩa vụ của từng bị cáo phải chịu. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm, tuyên buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường chung toàn bộ hậu quả thiệt hại và án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc điều tra chưa đầy đủ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cần phải xử hủy bản án hình sự sơ thẩm số **09/2017/HSST** ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam. Giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm điều tra lại theo thủ tục chung nên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam chưa được xem xét.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 241; điểm c khoản 2 Điều 248; khoản 1 Điều 250 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số **09/2017/HSST** ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam đối với bị cáo Nguyễn Văn A, Vũ Thị Hồng S.

Giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08/9/2017.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 27 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thế Cẩm

